

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo:

Tên tiếng Việt: Trường Đại học Xây dựng Miền Tây

Tên viết tắt: ĐHXDMT

Tên tiếng Anh: Mien Tay Construction University

2. Mã trường: MTU

3. Địa chỉ các trụ sở:

Địa chỉ: Số 20B Phó Cơ Điều, Phường 3, Tp. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại: (0270) 3.825.903, 3.839.768; Fax: (0270) 3827457

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.mtu.edu.vn

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02703.825.903

6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh

<https://mtu.edu.vn/?ArticleId=0dbfbdcf-0bb1-4351-937c-c417f97f67b1>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Trường: <https://mtu.edu.vn/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng dự tuyển: được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam được công nhận trình độ tương đương;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Điều kiện dự tuyển

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Mục 3.1;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

2. Phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây tuyển sinh bằng các phương thức:

2.1. Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

- Mã phương thức xét tuyển trên Hệ thống thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 100.

- Xét tổ hợp 03 môn từ kết quả thi THPT năm 2025.

- Điểm xét tuyển = Điểm thi THPT môn 1 + Điểm thi THPT môn 2 + Điểm thi THPT môn 3 + Điểm ưu tiên (nếu có) + Điểm cộng (nếu có).

- Thí sinh có một trong các chứng chỉ tiếng Anh được quy định tại Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục chứng chỉ ngoại ngữ và được miễn thi môn Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2025, sẽ được quy đổi điểm thay thế điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển như sau:

STT	IELTS	TOEFL iBT	TOEIC				TOEFL ITP	Aptis ESOL/ Khung CEFR	Điểm quy đổi
			Nghe	Đọc	Nói	Viết			
1	4.0		275	275	120	120	450		7.0
2	4.5		337	312	140	135	475		7.5
3	5.0	45	399	348	159	149	499	B1	8.0
4	5.5	46	400	385	160	150	500		8.5
5	6.0	70	445	420	170	165	550		9.0
6	6.5	93	489	454	179	179	600	B2	9.5
7	7.0 +	94 +	490 +	455 +	180 +	180 +	601 +	C1	10

2.2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ).

- Mã phương thức xét tuyển trên Hệ thống thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 200.

- Xét điểm trung bình 03 môn trong tổ hợp xét tuyển năm học lớp 12 hoặc 03 năm học lớp 10, 11, 12.

- Điểm xét tuyển = (Điểm trung bình năm học môn 1 lớp 12 + Điểm trung bình năm học môn 2 lớp 12 + Điểm trung bình năm học môn 3 lớp 12) $\times$ hệ số quy đổi + Điểm ưu tiên (nếu có) + Điểm cộng (nếu có).

Hoặc Điểm xét tuyển = (Điểm trung bình 03 năm môn 1 + Điểm trung bình 03 năm môn 2 + Điểm trung bình 03 năm môn 3) $\times$ hệ số quy đổi + Điểm ưu tiên (nếu có) + Điểm cộng (nếu có).

2.3. Phương thức 3: Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG TP.HCM năm 2025.

- Mã phương thức xét tuyển trên Hệ thống thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 402.

- Điểm xét tuyển = Điểm thi đánh giá năng lực $\times$ hệ số quy đổi + Điểm ưu tiên (nếu có) + Điểm cộng (nếu có).

Thí sinh tham dự kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức năm 2025, có điểm bài thi cao hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào các ngành, nhóm ngành và phương thức tuyển sinh

- Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

- Căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025, kết quả học tập cấp THPT, kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025, các yêu cầu đảm bảo chất lượng, Trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các ngành, nhóm ngành và phương thức tuyển sinh theo hướng dẫn và kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2. Quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Điểm xét tuyển của thí sinh là điểm cao nhất của điểm xét tuyển tất cả các phương thức xét tuyển mà thí sinh đăng ký theo ngành được quy đổi về thang điểm 30 sau khi được quy đổi tương đương theo một quy tắc bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của ngành đào tạo tương ứng.

- Quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh được xác định theo nguyên tắc:

+ Sử dụng dữ liệu điểm thi tốt nghiệp Trung học phổ thông làm gốc để xây dựng quy tắc quy đổi;

+ Căn cứ dữ liệu thống kê, phân tích kết quả học tập của sinh viên đã trúng tuyển theo các tổ hợp các năm trước; cụ thể: Thống kê số lượng thí sinh trúng tuyển theo các năm 2022, 2023, 2024; kết quả học tập của từng sinh viên này tại Trường;

+ Dựa theo quy tắc khung quy đổi tương đương, theo quy tắc quy đổi chung và hướng dẫn thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xác định quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển.

- Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điểm trúng tuyển sẽ được công bố sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2025, kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực đợt 2 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2025 và theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

IG
OC
ING
TAY

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh/ Mã tổ hợp	Ghi chú
Nhóm ngành Kỹ thuật xây dựng (Kỹ sư/cử nhân)						
1	7580201	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (Kỹ sư)	7580201	280	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A04, A06, A10, A11, C01, D01, D07, X06; - Phương thức 3.	
2		Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp (Cử nhân)				
3		Công nghệ thi công và An toàn lao động (Kỹ sư)				
4		Công trình ngầm đô thị (Kỹ sư)				
5		Quản lý dự án xây dựng (Kỹ sư)				
6		Xây dựng dân dụng và công nghiệp - Chương trình tiếng Anh tăng cường (Kỹ sư)				
Nhóm ngành Kiến trúc (Kiến trúc sư)						
7	7580101	Kiến trúc công trình	7580101	100	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A03, A04, A06, A07, A10, C01, C03, D01; - Phương thức 3.	
8		Kiến trúc Đồ họa				
9		Kiến trúc Nội thất				
10		Kiến trúc Cảnh quan				
Nhóm ngành Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông (Kỹ sư)						
11	7580205	Xây dựng Cầu đường	7580205	50		

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh/ Mã tổ hợp	Ghi chú
12		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng			- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A04, A06, A10, A11, C01, D01, D07, X06; - Phương thức 3.	
Nhóm ngành Kỹ thuật môi trường (Kỹ sư)						
13	7520320	Kỹ thuật môi trường	7520320	25	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A02, A04, A06, A10, A11, B00, C01, D01; - Phương thức 3.	
14		Công nghệ môi trường và Quản lý tài nguyên đất đai				
Nhóm ngành Kế toán (Cử nhân)						
15	7340301	Kế toán Doanh nghiệp	7340301	30	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A03, A04, A05, A06, A10, A11, C03, D01; - Phương thức 3.	
16		Kế toán Doanh nghiệp – Xây dựng				
Nhóm ngành Kỹ thuật phần mềm (Kỹ sư)						
17	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	40	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A10, A11, C01, D01, D07, X06, X26; - Phương thức 3.	
18		Lập trình nhúng IoT				

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh/ Mã tổ hợp	Ghi chú
Nhóm ngành Quản lý đô thị và công trình (Kỹ sư)						
19	7580106	Quản lý đô thị và công trình	7580106	25	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A03, A04, A10, A11, C01, C03, D01, X06; - Phương thức 3.	
20		Kinh tế và Quản lý bất động sản				
21	7580213	Ngành Kỹ thuật cấp thoát nước (Kỹ sư)	7580213	25	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A02, A04, A06, A10, A11, B00, C01, D01; - Phương thức 3.	
22	7580202	Ngành Kỹ thuật Xây dựng Công trình thủy (Kỹ sư)	7580202	25	- Phương thức 1 và phương thức 2: A00, A01, A04, A06, A10, A11, C01, D01, D07, X06; - Phương thức 3.	

- Mã tổ hợp và tổ hợp môn xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ); kết quả thi tốt nghiệp THPT:

STT	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn xét tuyển
1	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
3	A02	Toán, Vật lý, Sinh học
4	A03	Toán, Vật lý, Lịch sử
5	A04	Toán, Vật lý, Địa lý
6	A05	Toán, Hóa học, Lịch sử
7	A06	Toán, Hóa học, Địa lý
8	A07	Toán, Lịch sử, Địa lý
9	A10	Toán, Vật lý, Giáo dục kinh tế và pháp luật
10	A11	Toán, Hóa học, Giáo dục kinh tế và pháp luật
11	B00	Toán, Hóa học, Sinh học
12	C01	Ngữ văn, Toán, Vật lý
13	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
14	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
15	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
16	X06	Toán, Vật lý, Tin học
17	X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Trường

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Thí sinh kiểm tra năng lực đầu vào môn Vẽ Mỹ thuật đối với ngành Kiến trúc.
- Nếu số thí sinh xét tuyển vào các ngành có tổng điểm 3 môn bằng nhau (đã cộng điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh) và bằng với mức điểm chuẩn thì trong trường hợp vượt chỉ tiêu, Trường sẽ xét trúng tuyển thí sinh có điểm môn Toán cao hơn đối với phương thức 1 và 2. Đối với thí sinh xét tuyển phương thức 3 nếu có nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển thì ưu tiên theo thứ tự thí sinh có điểm trung bình môn Toán –

Logic – Phân tích số liệu từ cao xuống.

5.2. Điểm cộng

Tổng điểm cộng, điểm thưởng (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30).

5.2.1. Điểm cộng đối với thí sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp (từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên)

Thí sinh được cộng điểm nếu đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp (từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên), chỉ tính các giải đạt được trong 3 năm học THPT, bao gồm: Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh được cộng 2,0 điểm; giải khuyến khích trong kỳ thi quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh được cộng 1,5 điểm; giải ba cấp tỉnh được cộng 1,0 điểm;

5.2.2. Điều kiện xét điểm cộng

- Thí sinh phải đăng ký theo hình thức trực tuyến trên cổng thông tin tuyển sinh của Trường tại <http://xttt.mtu.edu.vn> đến hết ngày **26/7/2025** và nộp hồ sơ minh chứng xét điểm cộng trực tiếp tại Trường hoặc qua đường bưu điện đến hết ngày **28/7/2025** (để Trường có thông tin và cơ sở dữ liệu xét tuyển trên hệ thống chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hồ sơ gồm: Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đạt giải học sinh giỏi từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Thí sinh không đăng ký, kê khai thông tin và nộp hồ sơ theo thời gian quy định sẽ không đủ điều kiện xét điểm cộng.

5.3. Xác nhận nhập học

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quá thời gian quy định, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học.

6. Tổ chức tuyển sinh

Trường xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.1. Đăng ký thông tin xét tuyển

Thí sinh đăng ký thông tin xét tuyển với Nhà trường qua hình thức trực tuyến đối với các trường hợp sau:

+ Xét tuyển phương thức 2 (xét học bạ) đợt 1: Thí sinh đăng ký trực tuyến tại

<http://xttt.mtu.edu.vn/> đến hết ngày **26/7/2025**.

+ Đăng ký quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế để thay thế điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển đợt 1: Thí sinh đăng ký trực tuyến tại <http://xttt.mtu.edu.vn/> đến hết ngày **26/7/2025**. Thời gian nộp chứng chỉ photo công chứng (trực tiếp hoặc qua bưu điện, chuyển phát) đến hết ngày **28/7/2025**.

6.2. Thời gian đăng ký xét tuyển và thời gian xét tuyển

a) Xét tuyển đợt 1

- Đăng ký xét tuyển đợt 1: Thí sinh đăng ký xét tuyển đợt 1 từ ngày **16/7/2025** đến 17 giờ 00 ngày **28/7/2025** (theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Từ ngày **29/7** đến **17 giờ 00 ngày 5/8/2025**: Thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng xét tuyển bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Xét tuyển đợt bổ sung

- Dự kiến từ ngày **01/9/2025**.

6.3. Tổ chức kiểm tra năng lực đầu vào môn Vẽ Mỹ thuật năm 2025

a) Ngành xét tuyển

- Ngành Kiến trúc:

- + Chuyên ngành Kiến trúc Công trình;
- + Chuyên ngành Kiến trúc Nội thất;
- + Chuyên ngành Kiến trúc Đồ họa;
- + Chuyên ngành Kiến trúc Cảnh quan.

b) Đăng ký kiểm tra năng lực đầu vào Vẽ Mỹ thuật

- Đợt 1: tháng 4/2025

- Đợt 2: tháng 5/2025

- Các đợt kiểm tra tiếp theo dự kiến vào tháng 7 và tháng 8/2025.

- Địa điểm kiểm tra: tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây hoặc các cụm Trường THPT.

c) Cách thức nộp hồ sơ

- Theo 1 trong 3 cách sau:

+ Đăng ký trực tuyến tại: <http://xttt.mtu.edu.vn/>

+ Trực tiếp tại Ban Tư vấn Tuyển sinh và Hướng nghiệp – Trường ĐHXD Miền Tây: Số 20B, Phó Cơ Điều, Phường 3, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Điện thoại: 02703.825.903; 0914.792.380.

+ Qua Bưu điện chuyển phát nhanh.

- Hồ sơ gồm:

+ Phiếu đăng ký: theo **Mẫu 1** (Kèm theo) của Trường, tải tại trang web: www.mtu.edu.vn

+ 02 tấm ảnh 4x6 (ghi rõ họ tên, ngày tháng, năm sinh sau mỗi tấm ảnh)

- Lệ phí dự kiểm tra: **Miễn phí.**

7. Chính sách ưu tiên

Các thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực, tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế hiện hành.

7.1. Ưu tiên theo khu vực (Theo phụ lục I)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi của Nhà nước theo quy định;

- Học sinh có nơi thường trú (trong thời gian học cấp THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Thủ tướng Chính phủ; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 (theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ); các thôn, xã đặc biệt khó khăn tại các địa bàn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nếu học cấp THPT (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh có ít nhất một trong các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn.

- Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân được cử đi dự tuyển, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại các khu vực có mức ưu tiên khác nhau thì hưởng ưu tiên theo khu vực có thời gian đóng quân dài hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo nơi thường trú trước khi nhập ngũ;

d) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

7.2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (Theo phụ lục II)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

7.3. Cách tính điểm ưu tiên

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại Mục 7.1 và Mục 7.2.}$$

8. Lệ phí xét tuyển.

Miễn phí lệ phí xét tuyển (các đợt bổ sung).

9. Trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây cam kết thực hiện các nội dung sau:

- Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo mà không đủ điều kiện; chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến cơ sở đào tạo hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh;

- Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo thông tin tuyển sinh đã công bố;

- Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

- Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của Nhà trường theo quy định của pháp luật.

10. Thời gian công bố điểm chuẩn và danh sách trúng tuyển

Theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.1. Xác nhận nhập học

Thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển vào các ngành đào tạo của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây cần xác nhận nhập học theo các bước sau:

- **Bước 1:** Xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên Hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Bước 2:** Nhập học trực tiếp hoặc trực tuyến trên hệ thống của Trường sau khi đã xác nhận nhập trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo (xem thông báo hướng dẫn chi tiết tại Website của Trường).

10.2. Thời gian nhập học: Dự kiến tháng 8 năm 2025.

11. Các chính sách hỗ trợ

- Sinh viên được hưởng chính sách ưu tiên theo Quy định hiện hành.

- Miễn học phí toàn khóa học cho 02 Tân sinh viên thủ khoa trúng tuyển có điểm cao nhất (*áp dụng cho 01 sinh viên xét tuyển điểm thi THPT và 01 sinh viên xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT*).

- Miễn phí học phí năm nhất cho Tân sinh viên là thủ khoa ngành.

- Giảm 50% học phí năm nhất cho sinh viên là con, em của cán bộ, viên chức, người lao động đang công tác tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây.

- Giảm 50% học phí học kỳ 1 năm thứ nhất cho Tân sinh viên có anh chị em ruột đang học tập tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây, Tân sinh viên là con của Thầy/Cô các trường THPT, Trung tâm GDNN-GDTX.

- Miễn phí Ký túc xá 02 năm đầu và miễn phí sử dụng cơ sở vật chất: Internet, thư viện điện tử, khu phức hợp thể dục thể thao, phòng tập thể hình...

- Cam kết giới thiệu việc làm sau tốt nghiệp tại các Công ty/Doanh nghiệp trong nước và nước ngoài như: Nhật Bản, CHLB Đức,....

- Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn học xuất sắc, giỏi, vượt khó và sinh viên có thành tích cao trong học tập, rèn luyện được Nhà trường và doanh nghiệp tặng học bổng hàng năm (từ 02 triệu – 10 triệu đồng/ năm).

- Sinh viên học tập đạt loại xuất sắc được Nhà trường trao học bổng học tập từ

1.300.000đ - 1.650.000đ/tháng (hơn 02 tỷ đồng/năm, tùy vào quỹ học bổng hàng năm của Trường).

- Được cấp học bổng du học ngắn ngày tại Mỹ, Đức, Đài Loan, Ấn Độ,... Được đào tạo kiến thức, các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm đáp ứng nhu cầu xã hội. Có lớp chọn học bằng Tiếng Anh/Tiếng Nhật (*dành cho sinh viên có nguyện vọng làm việc tại Nhật Bản/ngoài nước*).

12. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

12.1. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy:

- Áp dụng theo mức trần học phí qui định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

- Mức học phí khoảng 7 triệu – 7.4 triệu đồng/học kỳ.

- Ngoài học phí trên sinh viên cần nộp thêm Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm thân thể,... theo Quy định của Nhà nước.

12.2. Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:

Thực hiện theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.



13. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023				Năm 2024			
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
						100	200/406			100	200/406
1	Kỹ thuật xây dựng	7580201	100,200	250	207	15	18	280	194	14.5	18
2	Kiến trúc	7580101	100,406	70	55	15	18	100	100	15	18
3	Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông	7580205	100,200	50	41	15	18	50	39	15	18
4	Quản lý đô thị và công trình	7580106	100,200	20	9	15	18	40	9	15	18
5	Kỹ thuật cấp thoát nước	7580213	100,200	25	7	15	18	25	10	15	18
6	Kỹ thuật phần mềm	7480103	100,200	40	13	15.45	18	40	21	15	18
7	Kế toán	7340103	100,200	25	9	15	18	40	19	15	18
8	Kỹ thuật môi trường	7520320	100,200	20	0	15	18	25	5	15	18

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH



HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN VĂN XUÂN



PHỤ LỤC I
BẢNG PHÂN CHIA KHU VỰC TUYỂN SINH

(Kèm theo thông tin tuyển sinh năm 2025 – Hình thức đào tạo chính quy

Ban hành kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHXDMT ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy Trường Đại học Xây dựng Miền Tây)

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã khu vực I, II, III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 theo quy định của Thủ tướng Chính phủ
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;
Khu vực 2 (KV2)	Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1)
Khu vực 3 (KV3)	Các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương

PHỤ LỤC II
ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

(Kèm theo thông tin tuyển sinh năm 2025 – Hình thức đào tạo chính quy)

Ban hành kèm theo Quyết định số: 259/QĐ-ĐHXDMT ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy Trường Đại học Xây dựng Miền Tây)

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
Nhóm UT1	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú trong thời gian học THPT hoặc trung cấp trên 18 tháng tại Khu vực 1.
02	Công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 5 năm trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.
03	a) Thương binh, bệnh binh, người có "Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1; c) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên; d) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
04	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm UT2</i>	
05	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 12 tháng ở Khu vực 1 và dưới 18 tháng ở khu vực khác; c) Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở. Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày ĐKXT.
06	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có nơi thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
07	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại hiện hành; b) Người lao động ưu tú thuộc tất cả thành phần kinh tế từ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên được công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; c) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên; d) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng ngành tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.